

Les 400 sinogrammes du MILEC TOME 1 (1-140) (ton 1, ton 2, ton 3, ton 4, ton neutre)

啊	爱	安	八	把	吧	白	百	班	半	办	包	报	杯	北	本	比	笔	边	便
ā	ài	ān	bā	bǎ	ba	bái	bǎi	bān	bàn	bàn	bāo	bào	bēi	běi	běn	bǐ	bǐ	biān	biàn
遍	别	病	不	才	菜	茶	差	长	常	场	唱	车	成	城	吃	出	处	川	春
biàn	bié	bìng	bù	cái	cài	chá	chā	cháng	cháng	chǎng	chàng	chē	chéng	chéng	chī	chū	chù	chuān	chūn
次	从	错	打	大	带	当	到	道	的	得	等	底	地	第	点	电	店	丁	定
cì	cóng	cuò	dǎ	dà	dài	dāng	dào	dào	de	dé	děng	dǐ	dì	dì	diǎn	diàn	diàn	dīng	dìng
冬	东	懂	动	都	对	多	饿	儿	二	发	法	饭	方	房	放	非	飞	分	份
dōng	dōng	dǒng	dòng	dōu	duì	duō	è	ér	èr	fā	fǎ	fàn	fāng	fáng	fàng	fēi	fēi	fēn	fèn
风	夫	服	父	干	刚	钢	高	告	哥	歌	个	给	跟	更	工	公	共	古	关
fēng	fū	fú	fù	gān	gāng	gāng	gāo	gào	gē	gē	gè	gěi	gēn	gēng	gōng	gōng	gòng	gǔ	guān
馆	光	广	贵	国	果	过	还	孩	海	汉	好	喝	河	和	黑	很	红	后	候
guǎn	guāng	guǎng	guì	guó	guǒ	guò	hái	hái	hǎi	hàn	hǎo	hē	hé	hé	hēi	hěn	hóng	hòu	hòu
湖	虎	花	画	化	话	欢	黄	回	会	活	火	机	鸡	几	己	家	间	见	江
hú	hǔ	huā	huà	huà	huà	huānhuáng	huí	huì	huó	huó	huǒ	jī	jī	jǐ	jǐ	jiā	jiàn	jiàn	jiāng

Les 400 sinogrammes du MILEC TOME 1 (141-280) (ton 1, ton 2, ton 3, ton 4, ton neutre)

讲	饺	叫	教	今	金	近	进	京	九	酒	久	就	旧	觉	开	看	可	课	刻
jiǎng	jiǎo	jiào	jiào	jīn	jīn	jìn	jìn	jīng	jiǔ	jiǔ	jiǔ	jiù	jiù	jué	kāi	kàn	ké	kè	kè
孔	口	快	筷	块	来	老	乐	了	累	冷	离	李	里	立	连	凉	两	辆	○
kǒng	kǒu	kuài	kuài	kuài	lái	lǎo	lè	le	lèi	lěng	lí	lí	lí	lì	lián	liáng	liǎng	liàng	líng
零	六	龙	楼	路	马	吗	买	卖	慢	忙	毛	么	没	美	每	门	们	梦	米
líng	liù	lóng	lóu	lù	mǎ	ma	mǎi	mài	màn	máng	máo	me	méi	měi	měi	mén	men	mèng	mǐ
面	民	名	明	母	拿	哪	那	男	南	难	脑	呢	能	你	年	念	鸟	您	牛
miàn	mín	míng	míng	mǔ	ná	nǎ	nà	nán	nán	nán	nǎo	ne	néng	nǐ	nián	niàn	niǎo	nín	niú
女	旁	朋	皮	片	票	平	七	期	骑	起	气	汽	千	前	钱	亲	轻	请	秋
nǚ	páng	péng	pí	piān	piào	píng	qī	qī	qí	qǐ	qì	qi	qiān	qián	qián	qīn	qīng	qǐng	qiū
区	去	然	让	热	人	认	日	肉	如	三	色	山	商	上	少	谁	身	什	生
qū	qù	rán	ràng	rè	rén	rèn	rì	ròu	rú	sān	sè	shān	shāng	shàng	shǎo	shéi	shēn	shén	shēng
声	升	师	十	时	识	始	是	事	市	室	收	手	书	水	睡	说	思	四	诉
shēng	shēng	shī	shí	shí	shí	shǐ	shì	shì	shì	shì	shōu	shǒu	shū	shuǐ	shuì	shuō	sī	sì	sù

Les 400 sinogrammes du MILEC TOME 1 (281-400) (ton 1, ton 2, ton 3, ton 4, ton neutre)

算	虽	岁	所	他	她	它	太	疼	提	题	体	天	田	听	同	头	图	外	完
suàn	suī	sui	suǒ	tā	tā	tā	tài	téng	tí	tí	tǐ	tiān	tián	tīng	tóng	tóu	tú	wài	wán
晚	万	王	往	忘	为	位	文	问	我	无	五	午	物	西	息	喜	下	先	现
wǎn	wàn	wáng	wǎng	wàng	wéi	wèi	wén	wèn	wǒ	wú	wǔ	wǔ	wù	xī	xī	xǐ	xià	xiān	xiàn
香	想	象	小	校	些	鞋	写	谢	新	心	信	星	行	醒	姓	兴	休	学	呀
xiāng	xiǎng	xiàng	xiǎo	xiào	xiē	xié	xiě	xiè	xīn	xīn	xìn	xīng	xíng	xǐng	xìng	xìng	xiū	xué	yā
言	阳	羊	样	要	药	也	夜	一	医	衣	以	意	因	音	影	硬	用	有	友
yán	yáng	yáng	yàng	yào	yào	yě	yè	yī	yī	yī	yǐ	yì	yīn	yīn	yǐng	yìng	yòng	yǒu	yǒu
又	鱼	语	雨	元	园	远	院	月	在	再	早	怎	站	张	找	这	着	真	正
yòu	yú	yǔ	yǔ	yuán	yuán	yuǎn	yuàn	yuè	zài	zài	zǎo	zěn	zhàn	zhāng	zhǎo	zhè	zhe	zhēn	zhèng
知	只	中	钟	种	重	主	住	祝	庄	子	字	自	走	租	最	昨	作	做	坐
zhī	zhǐ	zhōng	zhōng	zhōng	zhòng	zhǔ	zhù	zhù	zhuāng	zǐ	zì	zì	zǒu	zū	zuì	zuó	zuò	zuò	zuò

MemoBuro

Aide-mémoire de bureau pour apprendre les langues

- 1- Plier suivant les lignes pointillées
- 2- Enlever le film protecteur de l'adhésif double face
- 3- Coller le pied de page derrière l'en-tête de page

Utilisez **MemoBuro**...même au bureau !

<http://perso.orange.fr/mementoslangues/>

23.10.2007

Les mémentos de langues-Téléchargement *gratuit* !

<http://perso.orange.fr/mementoslangues/>

Allemand	Arabe	Babel
Deutsch		8 langues
Croate	Russe	Serbe
Hrvatski	Русский	Српски
mementoslangues@orange.fr		
Guten Tag !	!	Bonjour !
Dobar dan !	Добрыи день !	Добар дан !
Добър ден !	Καλημέρα σας !	Buon giorno !